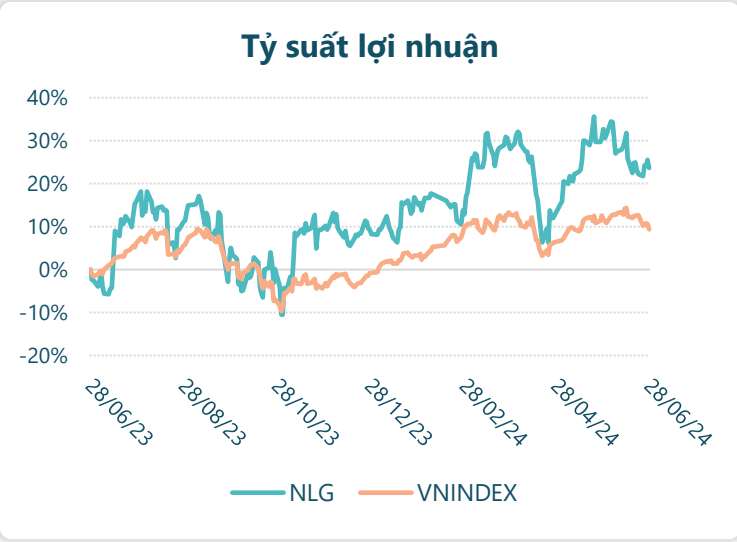


Ngày	41,400 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.0%	-3.4%	11.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	29,958 - 45,382
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15,930
Số lượng CPLH (CP)	384,777,471
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,602,900
Sở hữu nước ngoài	49.8%
Beta	1.40
EPS	1,102
P/E	37.6



Doanh thu thuần
Q2/24

252

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 47.0 | 23.1%

YoY: ▼701 | -73.5%

LN gộp
Q2/24

129

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 42.5 | 48.6%

YoY: ▼432 | -77.1%

LN trước thuế
Q2/24

177

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 224 | 481%

YoY: ▼143 | -44.6%

Nợ/VCSH
Q2/24

123%

YoY: +/-▲ 8.1%

ROE (TTM)
Q2/24

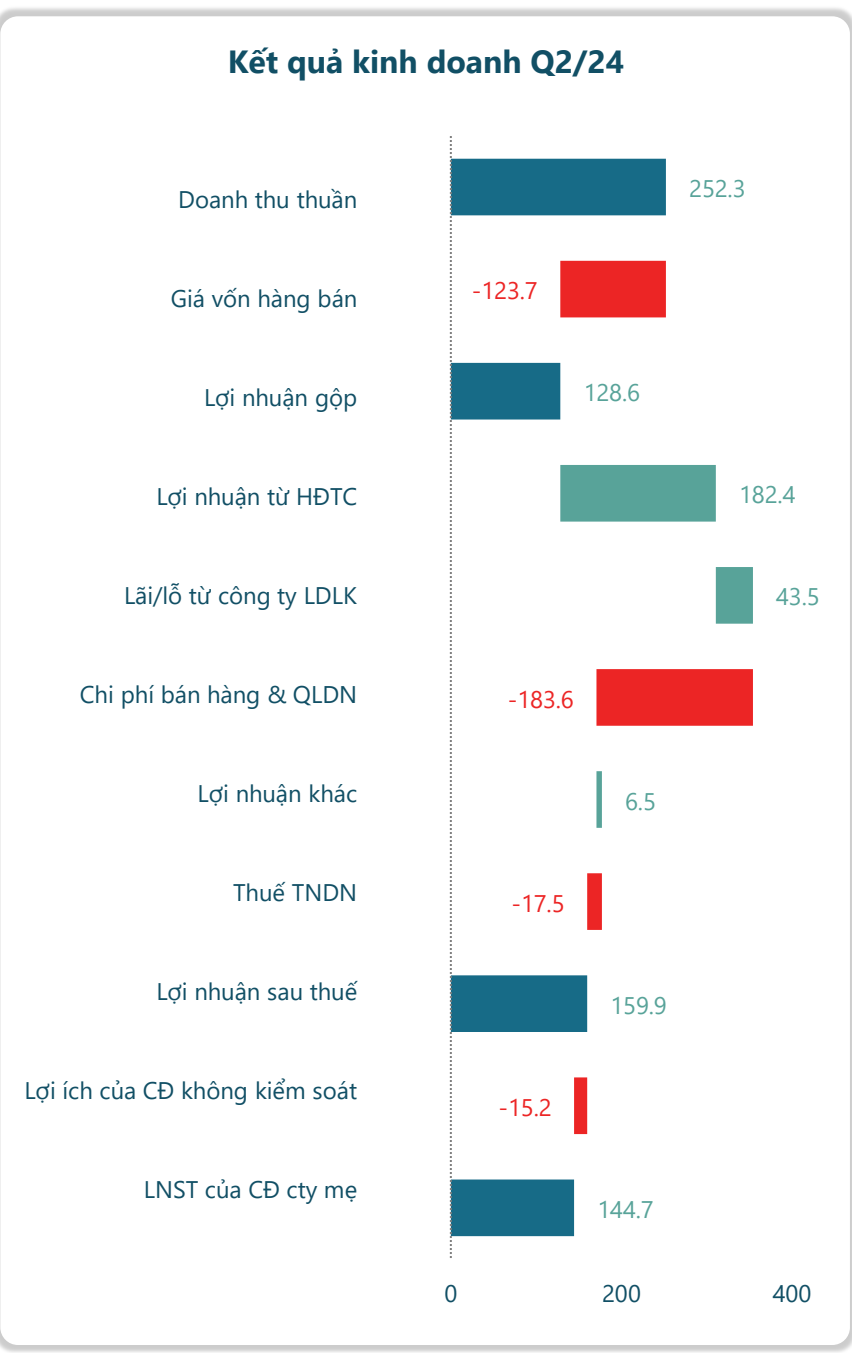
3.2%

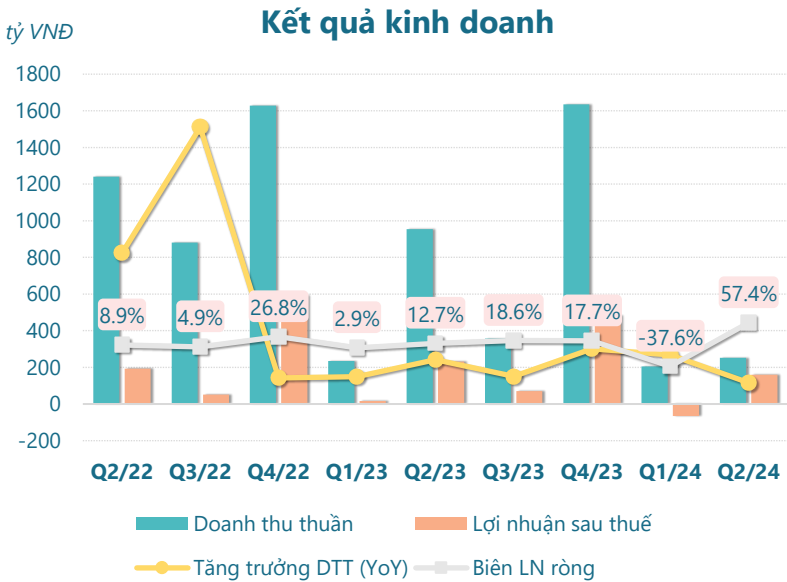
YoY: +/-▲ 0.2%

ROA (TTM)
Q2/24

1.5%

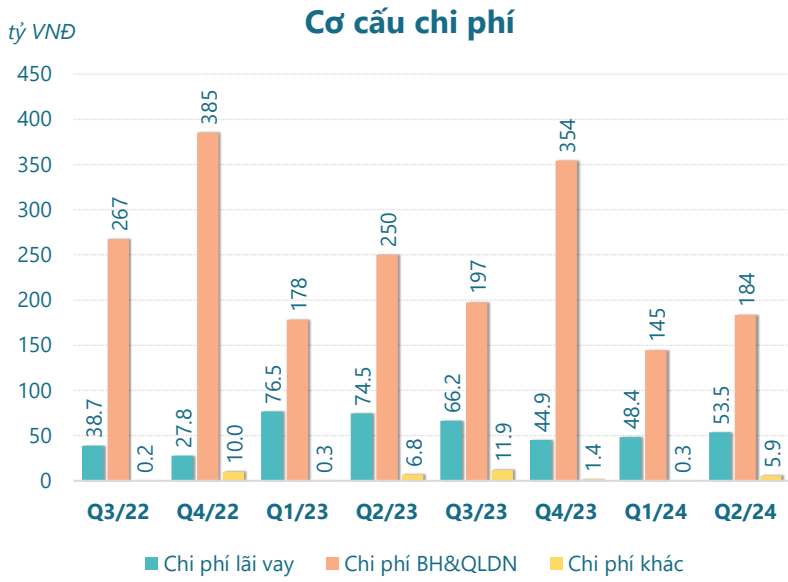
YoY: +/-▲ 0.1%





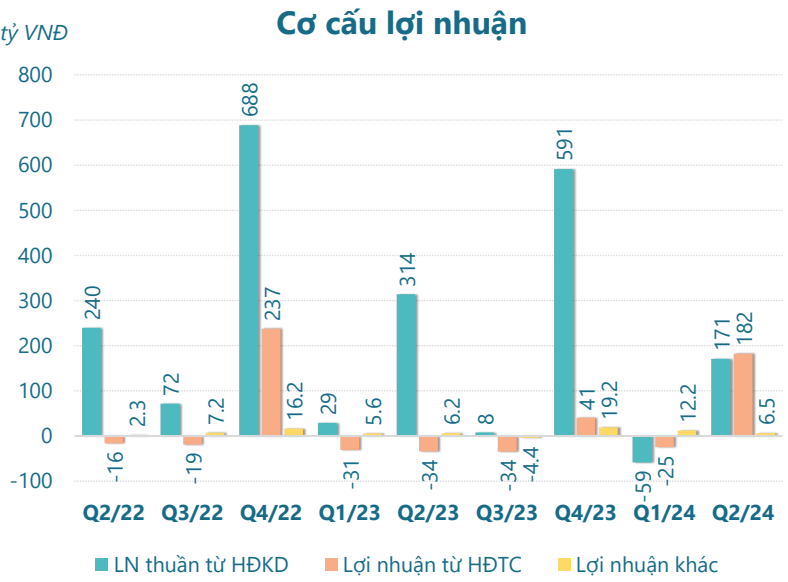
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 170.8 tỷ đồng**, tăng thêm 229.5 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 45.6% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 182.4 tỷ đồng**, tăng thêm 207.2 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 216.3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 6.54 tỷ đồng**, giảm đi 46.2% so với kỳ trước và cao hơn 5.31% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **NLG** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **252.3 tỷ đồng** giảm đi **73.5%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 159.9 tỷ đồng, giảm sút 30.9%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **457.0 tỷ đồng** thấp hơn 61.5% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 95.00 tỷ đồng** thấp hơn 61.7% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **53.46 tỷ đồng** tăng thêm 10.5% so với kỳ trước và thấp hơn 28.3% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **183.6 tỷ đồng** tăng thêm 27.0% so với kỳ trước và thấp hơn 26.6% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **5.91 tỷ đồng** tăng thêm 2173% so với kỳ trước và thấp hơn 12.8% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	252	205	23.1%	953	-73.5%	457	1,188	-61.6%
Giá vốn hàng bán	124	118	4.9%	393	-68.5%	242	468	-48.3%
Lợi nhuận gộp	129	86.5	48.6%	561	-77.1%	215	720	-70.1%
Doanh thu HĐTC	250	25.7	873%	40.5	517%	276	86.3	219%
Chi phí TC	67.6	50.6	33.6%	74.5	-9.3%	118	151	-21.8%
Chi phí lãi vay	53.5	48.4	10.4%	74.5	-28.2%	102	151	-32.6%
LN trong công ty LKLD	43.5	24.2	79.6%	37.2	16.8%	67.6	116	-41.5%
Chi phí bán hàng	42.4	32.9	29.0%	128	-66.8%	75.3	165	-54.4%
Chi phí QLDN	141	112	26.0%	122	15.7%	253	264	-4.1%
LN thuần từ HĐKD	171	-58.7	391%	314	-45.6%	112	343	-67.3%
Lợi nhuận khác	6.54	12.2	-46.4%	6.21	5.3%	18.7	11.8	58.5%
LN trước thuế	177	-46.6	481%	320	-44.6%	131	354	-63.1%
Lợi nhuận sau thuế	160	-65.0	346%	231	-30.8%	94.9	248	-61.7%
LNST của CĐ cty mẹ	145	-76.8	288%	121	19.6%	67.9	128	-46.8%

